TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST.
Ngày: 07/7/2023.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Hoa.

Ông: Nguyễn Minh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Nghị, là Thư ký Tòa án huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định *tham gia phiên toà*: Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê L. Nơi cư trú: K 9, thị trấn An L, huyện An L, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Ng. Nơi cư trú: Thôn Xuân Phong T, xã An H, huyện An L, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông: Nguyễn Văn L. Nơi cư trú: Thôn Xuân Phong T, xã An H, huyện An L, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê L trình bày:

Giữa ông và bà Ng chỉ quen biết nhau ngoài xã hội. Vào ngày 28/7/2021, bà

Ng có hỏi mượn của ông số tiền là 100.000.000đ nên ông đã cho bà Ng mượn 100.000.000đ. Bà Ng nói mục đích mượn tiền là để xoay sở công việc cho gia đình. Hai bên có viết giấy mượn tiền và bà Ng có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng bà để làm tin. Trong giấy mượn tiền ghi thời gian trả nợ là 1 năm, nhưng không ghi tiền lãi. Tuy nhiên hai bên thoả thuận bằng lời nói là hàng tháng bà Ng phải trả cho ông số tiền 6.000.000đ, trong đó: 3.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi. Bà Ng đã trả được hai tháng với số tiền gốc là 6.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi = 12.000.000 đồng thì không trả nữa, ông đã nhiều lần yêu cầu bà Ng trả nợ, nhưng bà Ng không trả tiền cho ông mà còn thách thức ông. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà Phạm Thị Ng và ông Nguyễn Văn L trả cho ông số tiền gốc đã mượn là 94.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất do hai bên thỏa thuận, nhưng tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu bà Ng, ông L trả số tiền lãi theo lãi suất của pháp luật kể từ ngày 29/9/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Khi nào vợ chồng bà Ng, ông L trả xong tiền cho ông thì ông sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Ng, ông L.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Ng trình bày:

Bà Ng thống nhất có mượn của ông L số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên có viết giấy mượn tiền và bà đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng cho ông L để làm tin. Bà và ông L đã thoả thuận với nhau là hàng tháng bà trả cho ông L 6.000.000 đồng, trong đó: 3.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi. Bà đã trả được 02 tháng thì không có khả năng trả nữa. Mục đích bà vay tiền là để trả nợ khoản vay khác của cá nhân bà, bà không dùng khoản tiền vay của ông L sử dụng trang trải vào cuộc sống của gia đình, việc vay tiền của ông L thì chồng bà hoàn toàn không biết, nên chồng bà không có trách nhiệm gì đối với khoản vay này. Nay ông L yêu cầu bà trả cho ông số tiền 94.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì bà đồng ý trả cho ông L, chứ bà không đồng ý trả lãi suất theo lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận vì nó quá cao.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông là chồng của bà Phạm Thị Ng, còn ông L thì ông không quen biết. Việc vợ ông vay mượn tiền của ông L thế nào, làm gì ông không biết, số tiền vợ ông vay mượn của ông L không dùng mục đích lo cho gia đình mà là dùng vào việc cá nhân của vợ ông, sự việc được phát hiện khi ông kiểm tra giấy tờ thì vợ ông mới nói là đã vay tiền của ông L và giao cho ông L giấy chứng nhận QSD đất. Nay ông L yêu cầu vợ ông trả số tiền vay mượn thì bà Ng có trách nhiệm trả cho ông L, ông không có nghĩa vụ trong việc trả nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237 BLTTDS.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 579 của BLDS chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyệt trả số tiền vay cho nguyên đơn và lãi suất theo pháp luật kể từ ngày 29/9/2021 đến thời điểm Tòa xét xử vụ án.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", giữa nguyên đơn là ông Lê L và bị đơn bà Phạm Thị Ng cùng cư trú tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Ng, ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ng và ông L.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu của ông Lê L: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 28/7/2021, bà Phạm Thị Ng là bên vay tiền, ông Lê L là bên cho vay, trong giấy mượn tiền thể hiện thời hạn vay là 1 năm, không ghi rõ phương thức trả nợ và tiền lãi suất cụ thể, nhưng theo thỏa thuận bằng lời nói thì mỗi tháng bà Ng trả cho ông L số tiền 6.000.000 đồng, trong đó: 3.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi. Từ khi vay đến nay bà Ng đã trả được 02 tháng cho ông L với tổng số tiền gốc

6.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền lãi, sau đó thì không trả tiền nữa. Nên yêu cầu khởi kiện của ông Lê L là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của ông Lê L buộc ông Nguyễn Văn L liên đới cùng bà Phạm Thị Ng trả nợ cho ông thì Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Việc vay mượn tiền là giữa ông Lê L và bà Phạm Thị Ng với nhau, trong giấy mượn tiền không thể hiện chữ ký của ông L. Bà Ng cũng khai việc vay tiền ông L chỉ dùng vào mục đích cá nhân của bà, ông L hoàn toàn không biết bà vay tiền để làm gì, ông L cũng thừa nhận khi hai bên giao nhận tiền chỉ có ông L và bà Ng, bà Ng cũng là người trực tiếp trả tiền gốc, lãi hàng tháng cho ông L. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông L không liên quan gì đến khoản tiền vay giữa ông L và bà Ng, khoản vay này bà Ng sử dụng vào mục đích cá nhân của bà Ng, nên yêu cầu của ông L buộc ông L cùng bà Ng trả nợ cho ông là không có căn cứ để được chấp nhận.

[5] Về tiền lãi suất: Trong tờ giấy mượn tiền các bên không ghi tiền lãi. Tuy nhiên các bên đều thừa nhận hàng tháng bà Phạm Thị Ng trả cho ông Lê L số tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 3.000.000 đồng, kể từ thời điểm vay bà Phạm Thị Ng đã trả cho ông Lê L tiền lãi 2 tháng với số tiền 12.000.000 đồng, mỗi tháng thanh toán tiền lãi 3.000.000 đồng (tương ứng 36%/năm). Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*.... Như vậy, việc thỏa thuận tiền lãi của ông Lê L và bà Phạm Thị Ng vượt quá quy định của pháp luật, nhưng bà Phạm Thị Ng không có yêu cầu gì khoản tiền lãi đã trả cho ông Lê L, nên không đặt ra để xem xét về khoản tiền lãi mà bà Phạm Thị Ng đã trả này. Tại phiên tòa ông Lê L chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Ng trả tiền lãi theo quy định của pháp luật, việc yêu cầu của ông Lê L đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"* tức là khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự đã được viện dẫn trên. Do đó tiền lãi được xác định để tính là 10%/năm.

Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 29/9/2021 đến ngày 07/7/2023 là 21 tháng 08 ngày. Với số tiền lãi là 94.000.000đ x 10%/năm x 21 tháng 08 ngày tương ứng 646 ngày = (làm tròn) 16.636.500 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm đồng chẵn).

Tổng cộng số tiền gốc 94.000.000 đồng + 16.636.500 đồng tiền lãi = 110.636.500 đồng (Một trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm đồng chẵn).

[6] Từ những phân tích trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê L, buộc bà Phạm Thị Ng hoàn trả cho ông L số tiền 110.636.700 đồng (Một trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng chẵn).

[7] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Ng, ông Lê L đồng ý sẽ hoàn trả lại cho bà Ng, ông L sau khi bà Ng thanh toán xong tiền nợ. Việc trả lại giấy chứng nhận QSD đất của ông L là đúng quy định nên được chấp nhận.

[8] Về án phí DSST: Bà Phạm Thị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà Phạm Thị Ng gặp sự kiện bất khả kháng không có đủ tài sản để nộp án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nên được giảm 50% án phí.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên, kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị Ng phải thanh toán cho ông Lê L số tiền 110.636.500 đồng (Một trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm đồng chẵn).

Sau khi bà Phạm Thị Ng thanh toán xong tiền nợ cho ông Lê L, ông Lê L có trách nhiệm hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 556339, số vào sổ cấp GCN: CS08740 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 03/3/2021, bản gốc cho ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Ng.

2. Bác yêu cầu của ông Lê L về việc buộc ông Nguyễn Văn L cùng bà Phạm Thị Ng trả nợ cho ông Lê L.

3. Về án phí DSST: Bà Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.531.825 đồng : 2 = (làm tròn) 2.766.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/7/2023). Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Văn Huy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**